

Số: **625** /BXD - HTKT

Hà Nội, ngày **16** tháng 02 năm 2024

V/v đánh giá triển khai thực hiện
Định hướng phát triển thoát nước đô
thị, khu công nghiệp và xây dựng
Chương trình đầu tư, cải tạo hệ thống
thoát nước và công trình xử lý nước
thải các đô thị từ loại V trở lên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Định hướng thoát nước) và Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 về Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Chiến lược bảo vệ môi trường) của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Xây dựng được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành và địa phương tổng kết, đánh giá thực hiện Định hướng thoát nước và xây dựng Chương trình đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước và công trình xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị từ loại V trở lên (viết tắt là Chương trình đầu tư).

Để có cơ sở báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Định hướng thoát nước và xây dựng Chương trình đầu tư, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo tổng hợp các nội dung như sau:

I. Về Định hướng thoát nước:

1. Tổng hợp về thực trạng quản lý và phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn (mạng lưới thoát nước mưa, thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải, quy hoạch thoát nước, dự án,...).

2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (mục tiêu, các giải pháp, cơ chế chính sách, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống thoát nước, tiêu chuẩn, quy chuẩn...); những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

3. Rà soát, tổng hợp và cung cấp số liệu cơ bản về tình hình thực hiện Định hướng thoát nước (Có đề cương gửi kèm theo văn bản này và hướng dẫn thực hiện – Phụ lục 1).

II. Về Chương trình đầu tư:

1. Tổng hợp danh mục các dự án đầu tư xây dựng thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Xác định nhu cầu đầu tư dự án thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại các đô thị từ loại V trở lên: bao gồm việc lựa chọn các dự án cấp thiết, cần được đầu tư ưu tiên nhằm giải quyết các vấn đề chống ngập úng đô thị, ô nhiễm môi trường liên quan đến nước thải chưa được thu gom, xử lý.

2. Đề xuất về cơ chế tài chính, chính sách phù hợp cho từng dự án cụ thể nhằm tạo điều kiện để dự án được triển khai và có tính khả thi.

3. Rà soát, tổng hợp danh mục các dự án đầu tư và dự kiến nguồn vốn đầu tư cho từng dự án (*Có đề cương gửi kèm theo văn bản này và hướng dẫn thực hiện – Phụ lục 2*).

Đề nghị báo cáo (bản cứng và file mềm) gửi về Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng trước ngày 20/3/2024. (*liên hệ: Ông Lương Ngọc Khánh – Trưởng phòng Quản lý Thoát nước và Xử lý nước thải, số điện thoại: 0943.681.818, Email: luongockhanh@gmail.com*).

Rất mong sự phối hợp của Quý cơ quan!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HTKT, TN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Nguyễn Tường Văn

Phần 6. Quản lý ngập úng và thoát nước mưa đô thị

STT	Tên các đơn vị hành chính	Loại đô thị	Diện tích các lưu vực thoát nước mưa	Tổng số hồ điều hòa tham gia vào công tác chống ngập	Diện tích ao hồ, kênh mương dùng cho chứa nước mưa năm 2023	Số lượng trạm bơm thoát nước mưa năm 2023	Công suất mỗi trạm bơm thoát nước mưa năm 2023	Số lượng các điểm ngập úng đô thị năm 2023	Diện tích ngập úng đô thị năm 2023	Diện tích ao hồ dùng cho chứa nước mưa năm 2030	Công suất trạm bơm thoát nước đô thị tương lai năm 2030
			ha	hồ	ha	trạm	m ³ /h	điểm	ha	ha	m ³ /h
1	2	3	67	67	68	69	70	71	72	73	74

Phần 7. Giá dịch vụ thoát nước theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP

STT	Tên các đơn vị hành chính	Loại đô thị	Đang áp dụng duy nhất phí bảo vệ môi trường	Đang xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải,	Đã ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	Áp dụng song song cả Phí bảo vệ môi trường và Giá dịch vụ thoát nước	Giá nước sạch trung bình năm 2023	Phí bảo vệ môi trường năm 2023 (% của giá cấp nước)	Giá dịch vụ thoát nước năm 2023 (% của giá cấp nước đối với địa phương sử dụng tỷ lệ % theo giá cấp nước)	Giá dịch vụ thoát nước năm 2023 (Với các địa phương sử dụng giá dịch vụ thoát nước chi tiết cho từng đối tượng sử dụng)			
										Hộ gia đình	Hành chính, văn phòng	Cơ sở sản xuất	Dịch vụ, thương mại
							đồng/m ³	%	%	đồng/m ³	đồng/m ³	đồng/m ³	đồng/m ³
1	2	3	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85

Ghi chú

STT	Mã số/ Mẫu số	Tên chỉ tiêu/ câu hỏi
2		Tên các đơn vị hành chính: Đô thị từ loại V trở lên
3		Cấp đô thị
4	0302, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Diện tích đất đô thị
5		Tổng dân số năm 2023
6		Dân số đô thị năm 2023
7		Tổng dân số quy hoạch đến năm 2030
8		Dân số đô thị quy hoạch đến năm 2030
9	0402, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tổng công suất cấp nước năm 2023
10	0402, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tổng công suất cấp nước năm 2030
11	0403, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung năm 2023 (*)
12	0403, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung năm 2030 (*)

13	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD	Tổng chiều dài tuyến cống thoát nước riêng (thoát nước thải)
14	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD	Tổng chiều dài tuyến cống thoát nước chung
15	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD	Tổng chiều dài sông, kênh rạch thoát nước chính (km)
16	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD	Tổng số trạm bơm
17	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD	Công suất mỗi trạm bơm nước thải
18	0406, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tổng công suất xử lý nước thải đô thị 2023
19	0406, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tổng công suất xử lý nước thải đô thị 2030
20		Tỷ lệ đầu nổi hộ gia đình năm 2023: Tỷ lệ các hộ dân đô thị đầu nổi vào hệ thống thoát nước
21		Dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải
22	0408, Thông tư số 13/2023/TT-BXD	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải
23		Tên nhà máy XLNT
24		Diện tích vùng phục vụ của nhà máy: Diện tích các lưu vực thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải (thường trong Báo cáo dự án)
25		Công suất thiết kế: Theo dự án đã thiết kế
26		Công suất vận hành năm 2023: Công suất vận hành thực tế năm 2023
27		Lượng nước thải được tái sử dụng năm 2023
28		Phương pháp xử lý nước thải (tham khảo từ danh mục 1)
29		Loại cống (tham khảo từ danh mục 1)
30		Hình thức đầu tư (tham khảo từ danh mục 1)
31		Đơn vị quản lý hệ thống XLNT
32		Đơn vị vận hành hệ thống XLNT
33		Bùn bể phốt năm 2023
34		Bùn từ hệ thống cống năm 2023
35		Bùn từ hệ thống kênh mương năm 2023
36		Bùn từ nhà máy xử lý nước thải năm 2023
37		Số lượng công trình xử lý bùn thải
38		Công suất xử lý thiết kế
39		Công suất vận hành năm 2023
40		Lượng bùn thải được tái sử dụng năm 2023
41		Đơn vị quản lý và đơn vị vận hành
42		Trạm Xử lý bùn thải
43		Phương pháp xử lý bùn (tham khảo từ danh mục 2)
44		Phương pháp thái bỏ bùn (tham khảo từ danh mục 2)
45		Phương pháp tái sử dụng bùn (tham khảo từ danh mục 2)
46		Số lượng khu công nghiệp
47		Tên của khu công nghiệp/cụm công nghiệp
48		Diện tích khu công nghiệp/cụm công nghiệp
49		Lưu lượng nước thải công nghiệp

Danh mục 1		
Phương pháp xử lý nước thải	Loại cống	Hình thức đầu tư
Đầm, Bãi lọc trồng cây	Chung	ODA
Lọc sinh học nhỏ giọt	Riêng	PPP (BT, BOT, BTO, BOO, O&M ...)
PTF		PPP (DBO)
SBR		PPP (Loại khác)
CAS		Ngân sách nhà nước
AO		
A2O		
OD		
MBBR		
Ao		
Khác		

50	Số lượng nhà máy XLNT
51	Công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải
52	Công suất vận hành nhà máy xử lý nước thải
53	Lượng nước thải được tái sử dụng năm 2023
54	Đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải
55	Đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải
56	Hình thức đầu tư (tham khảo từ danh mục 1)
57	Số lượng bệnh viện, trung tâm y tế
58	Tên các bệnh viện/ trung tâm y tế
59	Số lượng giường bệnh
60	Lưu lượng nước thải bệnh viện
61	Số lượng nhà máy XLNT
62	Công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải
63	Công suất vận hành nhà máy xử lý nước thải năm 2023
64	Lượng nước thải được tái sử dụng năm 2023
65	Đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải
66	Đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải
67	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD
68	Diện tích ao hồ dùng cho chứa nước mưa năm 2023
69	Số lượng trạm bơm thoát nước mưa năm 2023
70	Công suất mỗi trạm bơm thoát nước mưa năm 2023
71	009, Thông tư số 01/2023/TT-BXD
72	Diện tích ngập úng đô thị năm 2023
73	Diện tích ao hồ dùng cho chứa nước mưa năm 2030
74	Công suất trạm bơm thoát nước đô thị tương lai năm 2030
75	Đang áp dụng duy nhất phí bảo vệ môi trường
76	Đang xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải,
77	Đã ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải
78	Áp dụng song song cả Phí bảo vệ môi trường và Giá dịch vụ thoát nước
79	Giá nước sạch trung bình năm 2023
80	Phí bảo vệ môi trường năm 2023 (% của giá cấp nước)
81	Giá dịch vụ thoát nước năm 2023 (% của giá cấp nước đối với địa phương sử dụng tỷ lệ % theo giá cấp nước)
82	Giá dịch vụ thoát nước năm 2023 (Với các địa phương sử dụng giá dịch vụ thoát nước chi tiết cho từng đối tượng sử dụng)

Danh mục 2		
Xử lý bùn	Thải bỏ bùn	Tái sử dụng bùn
Nén bùn	Bãi chôn lấp	Không
Khử nước	Ủ phân Compost	Phân compost
Nén bùn + Khử nước	Bãi chôn lấp + Ủ phân Compost	Phân compost (Không bán)
Nén bùn + Phân hủy sinh học + Khử nước	Vật liệu xây dựng (Xi măng, v.v.)	Phân compost (Bán làm phân bón)
Nén bùn + Phân hủy sinh học + Khử nước + Đốt	Chuyển đến nhà máy xử lý chất thải	Phân bón (trừ phân hữu cơ)
Nén bùn + Khử nước + Đốt	Không xác định	Năng lượng (điện)
Khử nước + Khử nước + Sấy cơ học	Khác	Năng lượng (khí sinh học cho lò đốt)
Nén + Khử nước + Sân phơi		Vật liệu xây dựng (Xi măng, v.v.)
Ao		Khác
Ao + Sân phơi		
Sân phơi		
Khác		

